

Số: 251 /TB-MĐC

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc thu bổ sung BHYT sinh viên chính quy năm 2020 K61 (trừ sinh viên khoa Kinh tế & QTKD), K62, K63

Kính gửi:

- Sinh viên chính quy toàn Trường;
- Các Khoa quản lý sinh viên;
- Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008 và Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi ngày 13/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Thực hiện công văn số 3049/BHXH-QLT ngày 29/07/2019 của BHXH Thành phố Hà Nội về việc Hướng dẫn thực hiện BHYT HSSV năm học 2019 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-MĐC ngày 16/10/2019 về việc ban hành "Quy định về công tác Bảo hiểm y tế (BHYT) cho sinh viên chính quy tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Để thực hiện đúng quy định của pháp luật cũng như đảm bảo quyền lợi về chăm sóc sức khỏe đối với sinh viên, Nhà trường tiến hành thu bổ sung BHYT năm 2020 như sau:

1. Sinh viên chính quy trong toàn Trường

- Đối tượng: Đóng BHYT đối với sinh viên chính quy chưa đóng BHYT năm 2020 (có danh sách kèm theo)
- Mức đóng: **282,000 đồng/SV.**
- Hình thức đóng: Thu qua ngân hàng
- Thời gian đóng tiền và kê khai: **từ ngày 21/05/2020 đến hết ngày 29/05/2020.**
- Thẻ BHYT có hiệu lực khám chữa bệnh từ 01/07/2020 đến 31/12/2020 (06 tháng).
- Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu: Phòng khám đa khoa Trường Đại học Y tế Công cộng

- Sinh viên bắt buộc cần hoàn thiện thiện các bước sau để được cấp thẻ BHYT:

Bước 1. Hướng dẫn nộp tiền vào tài khoản của Nhà trường:

STK: 2151.000000.6942

Tên TK: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Tại ngân hàng BIDV – chi nhánh Cầu Giấy

Nội dung đóng tiền: MSV_hovaten_lop_SDT_dongBHYT2020

(Ví dụ: 1721030456_NguyenVanA_DCXD62_0838324543_dongBHYT2020)

Bước 2. Tra mã BHXH: Sinh viên vào link

<https://baohiemxahoi.gov.vn/tracuu/Pages/tra-cuu-ho-gia-dinh.aspx> để tra mã BHXH

- Sinh viên tra được mã BHXH sau đó kê khai mã BHXH và thông tin tại đường link <https://forms.gle/xJ3YjkfUCyxnXvFV7>

- Sinh viên không tra được mã BHXH thì cần đến ngay Trạm Y tế để được hướng dẫn kê khai mẫu TK1-TS và Phụ lục hộ gia đình (mang theo chứng minh thư hoặc thẻ căn cước photo)

- Thực hiện nghiêm Luật BHYT, các sinh viên tiếp tục vi phạm không tham gia BHYT lần 2 sẽ bị kỷ luật theo hình thức cảnh cáo, trừ điểm rèn luyện, hủy mọi khen thưởng, học bổng trong học kỳ 2 năm học 2019-2020 và học kỳ 1 năm học 2020-2021 theo Quyết định số 1365/QĐ-MĐC ngày 16/10/2019 về việc ban hành “Quy định về công tác Bảo hiểm y tế (BHYT) cho sinh viên chính quy tại Trường Đại học Mở - Địa chất”;

*** Lưu ý:**

- Sinh viên chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp ghi sai thông tin hoặc đóng sai thời hạn đóng BHYT

- Sinh viên không hoàn thành việc kê khai sẽ không in được thẻ BHYT và sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về việc không được in thẻ BHYT của mình.

2. Phòng Kế hoạch Tài chính

Thông kê danh sách sinh viên đóng BHYT bổ sung gửi Trạm Y tế trước ngày 02/6/2020.

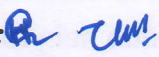
3. Trạm Y tế

Làm việc với BHXH quận Bắc Từ Liêm cấp thẻ BHYT cho sinh viên, tổng hợp sinh viên có thẻ BHYT đối tượng chính sách và sinh viên đã mua thẻ BHYT năm 2020 gửi Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên làm căn cứ xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp tồn đọng.

4. Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, các Khoa quản lý sinh viên

Ngay sau khi có danh sách sinh viên đã đóng tiền BHYT bổ sung năm 2020, rà soát danh sách sinh viên không đóng BHYT năm 2020 trình Ban Giám hiệu quyết định hình thức xử lý theo quy định về BHYT hiện hành.

Đề nghị các Khoa quản lý sinh viên, sinh viên chính quy toàn trường thực hiện nghiêm thông báo này./.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, KHTC, YT₍₀₂₎.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS Triệu Hùng Trường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ TỪ 01/7/2020 đến 31/12/2020

(Kèm theo Thông báo số 251/TB-MĐC ngày 21 tháng 5 năm 2020)

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
1	1621010190	Trương Trọng	Trung	Đại học - Địa chất dầu khí-K61	282.000
2	1621010178	Nguyễn Tiến	Thành	Đại học - Địa chất dầu khí-K61	282.000
3	1621011032	Hoàng Phi	Long	Đại học - Địa chất dầu khí-K61	282.000
4	1621010719	Đinh Văn	Đức	Đại học - Địa chất dầu khí-K61	282.000
5	1621010242	Lê Phú	Anh	Đại học - Địa chất dầu khí-K61	282.000
6	1621010720	Đỗ Nhật	Khánh	Đại học - Địa chất dầu khí-K61	282.000
7	1621010175	Trần Thanh	Quang	Đại học - Địa chất dầu khí-K61	282.000
8	1621010184	Trương Sỹ	Thế	Đại học - Địa chất dầu khí-K61	282.000
9	1621010743	Phạm Văn	Hải	Đại học - Địa chất dầu khí-K61	282.000
10	1821010043	Nguyễn Duy	Huy	Đại học - Địa chất dầu khí-K63	282.000
11	1821010141	Đỗ Trần Hoài	Nam	Đại học - Địa chất dầu khí-K63	282.000
12	1821010223	Nguyễn Trọng	Nhân	Đại học - Địa chất dầu khí-K63	282.000
13	1821010127	Nguyễn Long	Vũ	Đại học - Địa chất dầu khí-K63	282.000
14	1621010222	Nguyễn Tùng Quang	Anh	Địa vật lý-K61	282.000
15	1621010239	Nguyễn Văn	Dương	Địa vật lý-K61	282.000
16	1621010152	Trần Phùng Trung	Hiển	Địa vật lý-K61	282.000
17	1621010007	Cao Văn	Hoan	Địa vật lý-K61	282.000
18	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	Địa vật lý-K61	282.000
19	1621010724	Phạm Văn	Kiên	Địa vật lý-K61	282.000
20	1621010185	Phạm Công	Minh	Địa vật lý-K61	282.000
21	1621010137	Phạm Tiến	Quang	Địa vật lý-K61	282.000
22	1621010176	Nguyễn Hữu	Thắng	Địa vật lý-K61	282.000
23	1621010715	Nguyễn Văn	Thành	Địa vật lý-K61	282.000
24	1621010049	Nguyễn Thị	Thu	Địa vật lý-K61	282.000
25	1621010725	Nguyễn Văn	Tiến	Địa vật lý-K61	282.000
26	1621010067	Lưu Đức	Anh	Khoan khai thác - K61	282.000
27	1621010147	Hồ Văn	Đồng	Khoan khai thác - K61	282.000
28	1621010150	Lê Công	Hùng	Khoan khai thác - K61	282.000
29	1621010094	Nguyễn Thạc	Hùng	Khoan khai thác - K61	282.000
30	1621010018	Nguyễn Trọng	Huỳnh	Khoan khai thác - K61	282.000
31	1621010064	Lê Tuấn	Phong	Khoan khai thác - K61	282.000
32	1621010047	Nguyễn Văn	Sơn	Khoan khai thác - K61	282.000
33	1621010383	Đinh Tiến	Thành	Khoan khai thác - K61	282.000
34	1621010077	Đinh Văn	Thiện	Khoan khai thác - K61	282.000
35	1621010158	Vũ Thế	Tình	Khoan khai thác - K61	282.000
36	1621010160	Vũ Thành	Trung	Khoan khai thác - K61	282.000
37	1621010703	Nguyễn Văn	Tùng	Khoan khai thác - K61	282.000
38	1721010089	Nguyễn Văn	Đức	Khoan Khai thác - K62	282.000
39	1721010138	Lê Trọng	Nam	Khoan Khai thác - K62	282.000
40	1721010072	Khiếu Văn	Tiện	Khoan Khai thác - K62	282.000
41	1721010049	Nguyễn Phi Hải	Triều	Khoan Khai thác - K62	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
42	1721010050	Nguyễn Minh	Tuấn	Khoan Khai thác - K62	282.000
43	1721010076	Đoàn Mạnh Đình	Đình	Khoan Khai thác - K62	282.000
44	1621010341	Nguyễn Văn	Anh	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
45	1621030900	Đào Minh	Giang	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
46	1621010267	Hồ Sỹ	Hiển	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
47	1621010337	Nguyễn Thị	Hường	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
48	1621010246	Trần Quang	Huy	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
49	1621010309	Đàm Ngọc	Lâm	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
50	1621010281	Phạm Thị	Ninh	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
51	1621010343	Nguyễn Minh	Quý	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
52	1621010314	Phạm Khắc	Tiếp	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
53	1621010252	Cao Thế	Trường	Lọc hoá dầu A-K61	282.000
54	1621010331	Lê Thị Phương	Anh	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
55	1621010367	Lê Văn	Đạt	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
56	1621010270	Ngô Thị	Duyên	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
57	1621010156	Lê Hoàng	Hiệp	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
58	1621010297	Nguyễn Văn	Huyền	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
59	1621010350	Lê Đức	Khang	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
60	1621010276	Nguyễn Trọng	Khánh	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
61	1621010323	Lê Trọng	Quân	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
62	1621010251	Lê Cao	Sơn	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
63	1621010740	Dương Khắc	Thành	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
64	1621010254	Trần Phương	Thức	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
65	1621010266	Trần Quang	Trung	Lọc hoá dầu B-K61	282.000
66	1721010118	Nguyễn Văn	Khiêm	Lọc hoá dầu K62	282.000
67	1721010148	Phạm Hữu	Sơn	Lọc hoá dầu K62	282.000
68	1721010801	Ngô Thanh	Tuấn	Lọc hoá dầu K62	282.000
69	1721010032	Nguyễn Văn	Tuấn	Lọc hoá dầu K62	282.000
70	1721010126	Phan Viết	Tuấn	Lọc hoá dầu K62	282.000
71	1721010064	Nguyễn Đình	Văn	Lọc hoá dầu K62	282.000
72	1821010092	Trần Quang	Đại	Công nghệ kỹ thuật hóa học K63	282.000
73	1821010118	Vũ Thành	Minh	Công nghệ kỹ thuật hóa học K63	282.000
74	1821010053	Nguyễn Ngọc Hải	Thắng	Công nghệ kỹ thuật hóa học K63	282.000
75	1821010218	Trần Trung	Thạnh	Công nghệ kỹ thuật hóa học K63	282.000
76	1821010177	Lê Thị	Thảo	Công nghệ kỹ thuật hóa học K63	282.000
77	1721010042	Đình Công	Anh	Thiết bị dầu khí-K62	282.000
78	1721010086	Nguyễn Ngọc	Linh	Thiết bị dầu khí-K62	282.000
79	1721010056	Trần Chiêu	Minh	Thiết bị dầu khí-K62	282.000
80	1821010100	Võ Trọng	Điện	Thiết bị dầu K63	282.000
81	1821010036	Ngô Hoàng	Dũng	Thiết bị dầu K63	282.000
82	1821010171	Nguyễn Mạnh	Hùng	Thiết bị dầu K63	282.000
83	1821010131	Nguyễn Hải	Nam	Thiết bị dầu K63	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
84	1821010185	Lê Trọng	Tuấn	Thiết bị dầu K63	282.000
85	1821010110	Vũ Văn	Tuấn	Thiết bị dầu K63	282.000
86	1621070702	Trịnh Đức	Anh	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
87	1621070085	Ngô Văn	Chinh	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
88	1621070003	Ngô Quang	Cường	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
89	1621070186	Nguyễn Thu	Hà	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
90	1621070700	Nguyễn Nam	Hải	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
91	1621070115	Hoàng Đình	Khải	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
92	1621070076	Dương Đức	Liêm	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
93	1621070043	Hoàng Duy	Linh	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
94	1621070803	Olontumen	Olonbayar	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
95	1621070028	Trần Xuân	Trường	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
96	1621070706	Bùi Minh	Tuấn	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
97	1621070131	Phạm Đăng	Vĩnh	Đại học - Thi công công trình-K61	282.000
98	1621070024	Lê Việt	Dũng	Đại học - Xây dựng công trình đường-K6	282.000
99	1621070216	Phạm Thanh	Hào	Đại học - Xây dựng công trình đường-K6	282.000
100	1621070172	Hoàng Trọng	Sơn	Đại học - Xây dựng công trình đường-K6	282.000
101	1621070121	Nguyễn Văn	Trường	Đại học - Xây dựng công trình đường-K6	282.000
102	1621070192	Nguyễn Văn	Thịnh	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000
103	1621070190	Nghiêm Mạnh	Cường	Đại học - Xây dựng công trình ngầm giao	282.000
104	1621070161	Trần Vũ Minh	Khôi	Đại học - Xây dựng công trình ngầm giao	282.000
105	1621070016	Phan Thanh	Lam	Đại học - Xây dựng công trình ngầm giao	282.000
106	1621070197	Trần Minh	Quân	Đại học - Xây dựng công trình ngầm giao	282.000
107	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	Đại học - Xây dựng công trình ngầm giao	282.000
108	1621070138	Nguyễn Đức	Thắng	Đại học - Xây dựng công trình ngầm giao	282.000
109	1621070206	Phạm Chí	Nam	Đại học - Xây dựng công trình ngầm và m	282.000
110	1621070015	Hoàng Văn	Quý	Đại học - Xây dựng dân dụng và công ngh	282.000
111	1621070103	Nguyễn Trọng	Quyền	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K61	282.000
112	1621070116	Phan Thành	Long	Đại học-Xây dựng công trình ngầm và m	282.000
113	1621070091	Nguyễn Minh	Thắng	Đại học-Xây dựng công trình ngầm và m	282.000
114	1621070129	Mai Việt	Thành	Đại học-Xây dựng công trình ngầm và m	282.000
115	1721070500	Lê Đức	Anh	Đại học - Xây dựng dân dụng và công ngh	282.000
116	1721070027	Nguyễn Tùng	Lâm	Đại học - Xây dựng dân dụng và công ngh	282.000
117	1721070042	Nguyễn Văn	Phát	Đại học - Xây dựng dân dụng và công ngh	282.000
118	1721070048	Nguyễn Văn	Tần	Đại học - Xây dựng dân dụng và công ngh	282.000
119	1721070054	Trần Văn	Toàn	Đại học - Xây dựng dân dụng và công ngh	282.000
120	1721070007	Đinh Tiến	Trung	Đại học - Xây dựng dân dụng và công ngh	282.000
121	1721070041	Nguyễn Hoài	Vương	Đại học - Xây dựng dân dụng và công ngh	282.000
122	1721070012	Phạm Văn	An	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K62	282.000
123	1721070499	Hoàng Trung	Hiền	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K62	282.000
124	1721070046	Đỗ Đức	Huy	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K62	282.000
125	1721070010	Đinh Văn	Kiên	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K62	282.000
126	1721070068	Phạm Bá	Nhân	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K62	282.000
127	1721070014	Trương Văn	Sang	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K62	282.000
128	1821070100	Sin Bình	Chương	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000
129	1821070115	Trần Văn	Hoàng	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000
130	1821070020	Đỗ Quang	Huy	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000
131	1821070101	Tô Đình	Khánh	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000
132	1821070109	Trần Hải	Long	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000
133	1821070172	Lê Hữu	Quang	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000
134	1821070014	Đỗ Bá	Thắng	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000
135	1821070116	Trần Xuân	Toàn	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000
136	1821070155	Hà Quốc	Tuấn	Đại học - Xây dựng công trình ngầm - K6	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
137	1821070140	Nguyễn Xuân	Hà	Đại học - Xây dựng dân dụng và công nghệ	282.000
138	1821070007	Cảnh Chi	Hào	Đại học - Xây dựng dân dụng và công nghệ	282.000
139	1821070111	Trần Minh	Hiếu	Đại học - Xây dựng dân dụng và công nghệ	282.000
140	1821070009	Chu Quốc	Huy	Đại học - Xây dựng dân dụng và công nghệ	282.000
141	1821070182	Phạm Văn	Khải	Đại học - Xây dựng dân dụng và công nghệ	282.000
142	1821070136	Nguyễn Quyết	Thắng	Đại học - Xây dựng dân dụng và công nghệ	282.000
143	1821070053	Mai Cường	Thịnh	Đại học - Xây dựng dân dụng và công nghệ	282.000
144	1821070187	Trần Đình	Tú	Đại học - Xây dựng dân dụng và công nghệ	282.000
145	1821070151	Lê Thịnh	Vượng	Đại học - Xây dựng dân dụng và công nghệ	282.000
146	1821070169	Lê Đức	Hải	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K63	282.000
147	1821070143	Lê Nam	Phong	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K63	282.000
148	1821070180	Hoàng Hải	Sơn	Đại học - Xây dựng hạ tầng cơ sở - K63	282.000
149	1824010867	Hoàng Ngọc	Anh	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
150	1821070171	Phạm Bá	Bình	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
151	1821070131	Quách Duy	Chiến	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
152	1821070133	Bùi Đức	Cường	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
153	1821070132	Đặng Văn	Dũng	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
154	1821070181	Dương Tiến	Hoàng	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
155	1821070186	Trịnh Văn	Hùng	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
156	1821070105	Trần Đức	Huy	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
157	1821070029	Dương Tùng	Lâm	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
158	1821070091	Phạm Minh	Quyết	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
159	1821070174	Nguyễn Như	Tài	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
160	1821070152	Lương Xuân	Thuyết	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
161	1821070164	Nguyễn Viết	Trường	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
162	1821070160	Nguyễn Anh	Tuấn	Đại học_Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
163	1851070002	Đỗ Duy	Hiên	Đại học Bằng 2 Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
164	1851070003	Vũ Trọng	Mạnh	Đại học Bằng 2 Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
165	1851070004	Mạch Thọ	Sáu	Đại học Bằng 2 Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
166	1851070005	Nguyễn Đức	Tuấn	Đại học Bằng 2 Kỹ thuật xây dựng_K63	282.000
167	1621060630	Già Hoàng	Anh	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
168	1621060576	Nguyễn Bá	Đạt	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
169	1621060908	Trần Huỳnh	Đức	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
170	1621060761	Nguyễn Bá	Dũng	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
171	1621060921	Nguyễn Văn	Giang	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
172	1621060712	Đào Ngọc	Hải	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
173	1621060756	Nguyễn Quốc	Hiên	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
174	1621060884	Trần Văn	Hiên	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
175	1621060590	Dương Tuấn	Hiệp	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
176	1621060585	Lại Văn	Hồng	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
177	1621060663	Đỗ Việt	Hưng	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
178	1621060669	Lưu Quang	Huy	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
179	1621060674	Vũ Đăng	Khoa	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
180	1621060622	Hồ Hoàng	Long	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
181	1621060636	Lê Đức	Lương	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
182	1621060720	Hoàng Đỗ Bảo	Nam	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
183	1621061101	Nguyễn Tiến	Nam	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
184	1621060594	Trần Đặng	Phong	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
185	1621060588	Triệu Tiến	Quang	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
186	1621060752	Phạm Anh	Quyết	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
187	1621060615	Trương Văn	Sơn	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
188	1621060725	Đỗ Trọng	Tài	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
189	1621060651	Nguyễn Công	Thanh	CN Chế tạo máy A - K61	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
190	1621060676	Bùi Xuân	Thành	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
191	1621060708	Nguyễn Minh	Tiến	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
192	1621060731	Đinh Quốc	Triệu	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
193	1621060715	Phạm Quang	Trung	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
194	1621060655	Phạm Văn	Vĩnh	CN Chế tạo máy A - K61	282.000
195	1621060637	Nguyễn Đức	Chính	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
196	1621060893	Nguyễn Sỹ	Đoàn	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
197	1621060755	Nguyễn Tiến	Dũng	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
198	1621060580	Vũ Minh	Hiếu	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
199	1621060694	Trần Văn	Huy	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
200	1621060702	Nguyễn Văn	Lăng	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
201	1621060623	Trần Văn Dương	Linh	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
202	1621060658	Kiều Quang	Linh	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
203	1621060768	Phạm Công	Minh	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
204	1621060603	Lê Ngọc	Nam	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
205	1621060664	Phan Duy	Quý	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
206	1621060635	Hồ Đăng	Quỳnh	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
207	1621060730	Hoàng Văn	Thảo	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
208	1621060718	Nguyễn Văn	Tin	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
209	1621060898	Nguyễn Năng	Toán	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
210	1621060642	Nguyễn Văn	Trọng	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
211	1621060733	Bùi Tuấn	Việt	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
212	1621060709	Nguyễn Văn	Vinh	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
213	1621060631	Nguyễn An	Vũ	CN Chế tạo máy B - K61	282.000
214	1621060299	Nguyễn Thanh	An	Điện - Điện tử A - K61	282.000
215	1621060571	Nguyễn Đức Hoàng	Anh	Điện - Điện tử A - K61	282.000
216	1621060302	Lê Văn	Duy	Điện - Điện tử A - K61	282.000
217	1621061062	Nguyễn Văn	Hải	Điện - Điện tử A - K61	282.000
218	1621060150	Vũ Trí	Hưng	Điện - Điện tử A - K61	282.000
219	1621060513	Vũ Quang	Huy	Điện - Điện tử A - K61	282.000
220	1621061010	Đào Văn	Khả	Điện - Điện tử A - K61	282.000
221	1621060972	Trần Đức	Lợi	Điện - Điện tử A - K61	282.000
222	1621060162	Hoàng Phúc	Long	Điện - Điện tử A - K61	282.000
223	1621060343	Nguyễn Văn	Luân	Điện - Điện tử A - K61	282.000
224	1621060444	Vũ Văn	Minh	Điện - Điện tử A - K61	282.000
225	1621060453	Nguyễn Văn	Quang	Điện - Điện tử A - K61	282.000
226	1621060430	Phạm Minh	Sơn	Điện - Điện tử A - K61	282.000
227	1621060226	Phạm Ngọc	Thành	Điện - Điện tử A - K61	282.000
228	1621060460	Trần Ngọc	Thuận	Điện - Điện tử A - K61	282.000
229	1621060558	Nguyễn Đức	Việt	Điện - Điện tử A - K61	282.000
230	1621060379	Ngô Đức	Anh	Điện - Điện tử B - K61	282.000
231	1621060402	Nguyễn Duy	Đạt	Điện - Điện tử B - K61	282.000
232	1621060878	Mai Ngọc	Đông	Điện - Điện tử B - K61	282.000
233	1621060133	Vũ Mạnh	Đức	Điện - Điện tử B - K61	282.000
234	1621060361	Bùi Tiến	Dũng	Điện - Điện tử B - K61	282.000
235	1621061046	Lại Bá	Dương	Điện - Điện tử B - K61	282.000
236	1621061066	Hoàng Trung	Huân	Điện - Điện tử B - K61	282.000
237	1621060203	Dương Minh	Khánh	Điện - Điện tử B - K61	282.000
238	1621060445	Trịnh Văn	Linh	Điện - Điện tử B - K61	282.000
239	1621030102	Lưu Mạnh	Linh	Điện - Điện tử B - K61	282.000
240	1621061013	Phạm Văn	Lộc	Điện - Điện tử B - K61	282.000
241	1621060514	Nguyễn Sỹ	Mạnh	Điện - Điện tử B - K61	282.000
242	1621060372	Đỗ Đức	Quyền	Điện - Điện tử B - K61	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
243	1621060307	Nguyễn Văn	Thái	Điện - Điện tử B - K61	282.000
244	1621060508	Phạm Văn	Thắng	Điện - Điện tử B - K61	282.000
245	1621061056	Phan Văn	Thành	Điện - Điện tử B - K61	282.000
246	1621060057	Hoàng Văn	Trưởng	Điện - Điện tử B - K61	282.000
247	1621060034	Hoàng Văn	Truyền	Điện - Điện tử B - K61	282.000
248	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	Điện - Điện tử C- K61	282.000
249	1621060983	Nguyễn Hữu	Cường	Điện - Điện tử C- K61	282.000
250	1621060465	Trịnh Văn	Đạt	Điện - Điện tử C- K61	282.000
251	1621060934	Lê Bá	Đức	Điện - Điện tử C- K61	282.000
252	1621061059	Đinh Tiến	Dũng	Điện - Điện tử C- K61	282.000
253	1621061064	Vũ Ngọc	Hà	Điện - Điện tử C- K61	282.000
254	1621060434	Đoàn Văn	Hiếu	Điện - Điện tử C- K61	282.000
255	1621060278	Nguyễn Quang	Hồng	Điện - Điện tử C- K61	282.000
256	1621060443	Hoàng Văn	Hợp	Điện - Điện tử C- K61	282.000
257	1621060400	Cần Huy	Hùng	Điện - Điện tử C- K61	282.000
258	1621060175	Phạm Trung	Khánh	Điện - Điện tử C- K61	282.000
259	1621060355	Trừ Sơn	Lâm	Điện - Điện tử C- K61	282.000
260	1621060193	Lưu Công	Minh	Điện - Điện tử C- K61	282.000
261	1621061083	Phạm Văn	Minh	Điện - Điện tử C- K61	282.000
262	1621060408	Đặng Trung	Nam	Điện - Điện tử C- K61	282.000
263	1621060139	Vũ Trọng	Nguyên	Điện - Điện tử C- K61	282.000
264	1621060553	Đỗ Trọng	Quang	Điện - Điện tử C- K61	282.000
265	1621060570	Đặng Văn	Sơn	Điện - Điện tử C- K61	282.000
266	1621060366	Nguyễn Văn	Tín	Điện - Điện tử C- K61	282.000
267	1621060375	Nguyễn Anh	Trung	Điện - Điện tử C- K61	282.000
268	1621060028	Cao Văn	Trung	Điện - Điện tử C- K61	282.000
269	1621060511	Phạm Châu	Tuấn	Điện - Điện tử C- K61	282.000
270	1621060476	Nguyễn Văn	Tuấn	Điện - Điện tử C- K61	282.000
271	1621060263	Phạm Văn	Tường	Điện - Điện tử C- K61	282.000
272	1621060308	Nguyễn Xuân	Bách	Điện khí hoá - K61	282.000
273	1621060497	Nguyễn Tiến	Đạt	Điện khí hoá - K61	282.000
274	1621060394	Nguyễn Tùng	Dương	Điện khí hoá - K61	282.000
275	1621060482	Bùi Đắc	Hiệp	Điện khí hoá - K61	282.000
276	1621060439	Tạ Văn	Hiếu	Điện khí hoá - K61	282.000
277	1621061020	Vũ Công	Huân	Điện khí hoá - K61	282.000
278	1621060548	Đỗ Tuấn	Linh	Điện khí hoá - K61	282.000
279	1621060499	Nguyễn Thành	Luân	Điện khí hoá - K61	282.000
280	1621061071	Đỗ Danh	Thắng	Điện khí hoá - K61	282.000
281	1621060276	Nguyễn Phạm Việt	Anh	Hệ thống điện A - K61	282.000
282	1621060536	Nguyễn Minh	Chiến	Hệ thống điện A - K61	282.000
283	1621060555	Lê Minh	Đức	Hệ thống điện A - K61	282.000
284	1621060472	Đoàn Văn	Dũng	Hệ thống điện A - K61	282.000
285	1621060313	Bùi Văn	Giang	Hệ thống điện A - K61	282.000
286	1621060481	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Hệ thống điện A - K61	282.000
287	1621060421	Cao Thiên	Hùng	Hệ thống điện A - K61	282.000
288	1621060547	Phạm Ngọc	Hùng	Hệ thống điện A - K61	282.000
289	1621060492	Ngô Thịnh	Hưng	Hệ thống điện A - K61	282.000
290	1621060572	Hoàng Ngọc	Huy	Hệ thống điện A - K61	282.000
291	1621060502	Đào Văn	Thịnh	Hệ thống điện A - K61	282.000
292	1621060529	Phùng Văn	Toàn	Hệ thống điện A - K61	282.000
293	1621060454	Đào Văn	Vệ	Hệ thống điện A - K61	282.000
294	1621060180	Ngô Quốc	Việt	Hệ thống điện A - K61	282.000
295	1621060368	Hoàng Việt	Đăng	Hệ thống điện B - K61	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
296	1621060318	Trần Việt	Hoàng	Hệ thống điện B - K61	282.000
297	1621060473	Nguyễn Quang	Hợp	Hệ thống điện B - K61	282.000
298	1621060214	Vũ Việt	Hùng	Hệ thống điện B - K61	282.000
299	1621060522	Nguyễn Việt	Hùng	Hệ thống điện B - K61	282.000
300	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	Hệ thống điện B - K61	282.000
301	1621060550	Phạm Việt	Nam	Hệ thống điện B - K61	282.000
302	1621060538	Đào Quang	Thuận	Hệ thống điện B - K61	282.000
303	1621060912	Nguyễn Quốc	Bảo	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
304	1621060795	Nguyễn Thành	Công	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
305	1621060771	Phạm Văn	Đạt	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
306	1621060844	Trịnh Văn	Duẩn	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
307	1621060798	Hà Văn	Đức	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
308	1621060841	Nguyễn Tiến	Dũng	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
309	1621060840	Bá Trường	Giang	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
310	1621060833	Nguyễn Việt	Hà	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
311	1621060835	Trần Ngọc	Hải	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
312	1621060830	Nguyễn Hữu	Hiếu	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
313	1621060789	Nguyễn Khắc	Hiếu	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
314	1621060610	Vũ Văn	Hoàng	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
315	1621061094	Nguyễn Hoàng	Huy	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
316	1621060799	Vì Tiến	Huy	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
317	1621060838	Phạm Duy	Khánh	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
318	1621060801	Mai Chí	Linh	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
319	1621060783	Trần Tiến	Lộc	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
320	1621060853	Nguyễn Văn	Lợi	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
321	1621060775	Cung Văn	Mậu	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
322	1621060913	Nguyễn Văn	Minh	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
323	1621060659	Nguyễn Thành	Quyết	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
324	1621060710	Hà Văn	Tân	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
325	1621060791	Nguyễn Văn	Tấn	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
326	1621060776	Nguyễn Văn	Thiem	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
327	1621060888	Hà Trung	Thiên	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
328	1621060863	Hoàng Bảo	Toàn	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
329	1621060677	Trần Anh	Tuấn	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
330	1621060842	Tạ Văn	Vũ	Máy và TĐ thủy khí - K61	282.000
331	1621060734	Vũ Văn	Mạnh	Máy và thiết bị mỏ - K61	282.000
332	1621060652	Nguyễn Văn	Linh	Máy và thiết bị mỏ - K61	282.000
333	1621060627	Vũ Trọng	Dũng	Máy và thiết bị mỏ - K61	282.000
334	1621060866	Lâm Văn	Minh	Máy và thiết bị mỏ - K61	282.000
335	1621060717	Lưu Văn	Hoàn	Máy và thiết bị mỏ - K61	282.000
336	1621060854	Đình Văn	Dũng	Máy và thiết bị mỏ - K61	282.000
337	1621060860	Ngô Thanh	Hiếu	Máy và thiết bị mỏ - K61	282.000
338	1621060681	Nguyễn Xuân	Hoàn	Máy và thiết bị mỏ - K61	282.000
339	1621040076	Vũ Duy	An	Tự động hoá A - K61	282.000
340	1621060148	Nguyễn Quang	Bách	Tự động hoá A - K61	282.000
341	1621060105	Văn Đức	Chiến	Tự động hoá A - K61	282.000
342	1621060217	Trần Văn	Đoàn	Tự động hoá A - K61	282.000
343	1621060254	Nguyễn Minh	Đức	Tự động hoá A - K61	282.000
344	1621020062	Vũ Việt	Dũng	Tự động hoá A - K61	282.000
345	1621061009	Nguyễn Việt	Hải	Tự động hoá A - K61	282.000
346	1621060241	Đỗ Vũ	Hiệp	Tự động hoá A - K61	282.000
347	1621060121	Trịnh Đình	Hoàng	Tự động hoá A - K61	282.000
348	1621070732	Vũ Văn	Mậu	Tự động hoá A - K61	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
349	1621060100	Lê	Minh	Tự động hoá A - K61	282.000
350	1621060935	Nguyễn Quang	Tiến	Tự động hoá A - K61	282.000
351	1621061038	Lê Khắc	Tiếp	Tự động hoá A - K61	282.000
352	1621060188	Vũ Văn	Toàn	Tự động hoá A - K61	282.000
353	1621060136	Nguyễn Văn	Anh	Tự động hoá B - K61	282.000
354	1621060160	Nguyễn Tuấn	Anh	Tự động hoá B - K61	282.000
355	1621060534	Đình Văn	Đặng	Tự động hoá B - K61	282.000
356	1621060191	Trần Ngọc	Giang	Tự động hoá B - K61	282.000
357	1621060122	Nguyễn Công	Hiệp	Tự động hoá B - K61	282.000
358	1621060130	Trương Minh	Hiếu	Tự động hoá B - K61	282.000
359	1621060143	Đỗ Đức	Hoàng	Tự động hoá B - K61	282.000
360	1621060115	Lương Minh	Khang	Tự động hoá B - K61	282.000
361	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	Tự động hoá B - K61	282.000
362	1621060221	Nghiêm Hải	Nam	Tự động hoá B - K61	282.000
363	1621060238	Dương Đức	Quỳnh	Tự động hoá B - K61	282.000
364	1621060215	Lê Hồng	Sơn	Tự động hoá B - K61	282.000
365	1621060218	Trịnh Quang	Tiến	Tự động hoá B - K61	282.000
366	1621060106	Đại Mạnh	Tính	Tự động hoá B - K61	282.000
367	1621060164	Nguyễn Thành	Trung	Tự động hoá B - K61	282.000
368	1621061005	Trương Nam	Anh	Tự động hoá C - K61	282.000
369	1621060981	Đỗ Văn	Chiến	Tự động hoá C - K61	282.000
370	1621060988	Nguyễn Văn	Chức	Tự động hoá C - K61	282.000
371	1621060206	Nguyễn Quốc	Cường	Tự động hoá C - K61	282.000
372	1621060225	Nguyễn Xuân	Hiếu	Tự động hoá C - K61	282.000
373	1621060955	Cao Việt	Hùng	Tự động hoá C - K61	282.000
374	1621060735	Đặng Quốc	Hưng	Tự động hoá C - K61	282.000
375	1621060245	Trần Quang	Khải	Tự động hoá C - K61	282.000
376	1621060202	Mai Ngọc	Linh	Tự động hoá C - K61	282.000
377	1621060996	Nguyễn Chí	Lương	Tự động hoá C - K61	282.000
378	1621060235	Võ Ngọc	Minh	Tự động hoá C - K61	282.000
379	1621060253	Nguyễn Nam	Quốc	Tự động hoá C - K61	282.000
380	1621060171	Trương Hữu	Quý	Tự động hoá C - K61	282.000
381	1621060905	Ngô Minh	Quyết	Tự động hoá C - K61	282.000
382	1621060977	Luyện Văn	Tân	Tự động hoá C - K61	282.000
383	1621061025	Nguyễn Văn	Thắm	Tự động hoá C - K61	282.000
384	1621060342	Nguyễn Phương	Trang	Tự động hoá C - K61	282.000
385	1621060963	Nguyễn Văn	Trung	Tự động hoá C - K61	282.000
386	1621060230	Ngô Quang	Tuấn	Tự động hoá C - K61	282.000
387	1621060250	Dương Minh	Tuấn	Tự động hoá C - K61	282.000
388	1621060181	Vũ Minh	Vượng	Tự động hoá C - K61	282.000
389	1621060078	Phan Hùng	Anh	Tự động hóa D - K61	282.000
390	1621060033	Nguyễn Minh	Đức	Tự động hóa D - K61	282.000
391	1621060102	Trịnh Đình	Lực	Tự động hóa D - K61	282.000
392	1621060084	Vũ Thái	Nam	Tự động hóa D - K61	282.000
393	1621060082	Nguyễn Thế	Phương	Tự động hóa D - K61	282.000
394	1621060069	Nguyễn Thanh	Sơn	Tự động hóa D - K61	282.000
395	1721060356	Nguyễn Trường	An	CN chế tạo máy K62	282.000
396	1721060332	Phan Việt	Anh	CN chế tạo máy K62	282.000
397	1721060416	Đàm Quốc	Bảo	CN chế tạo máy K62	282.000
398	1721060440	Trần Hà	Giang	CN chế tạo máy K62	282.000
399	1721060334	Nguyễn Việt	Hoàng	CN chế tạo máy K62	282.000
400	1721060442	Trần Tiến	Lực	CN chế tạo máy K62	282.000
401	1721060449	Nguyễn Thanh	Lượng	CN chế tạo máy K62	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
402	1721060358	Hoàng Quốc	Phong	CN chế tạo máy K62	282.000
403	1721060437	Vũ Minh	Thành	CN chế tạo máy K62	282.000
404	1721060464	Đặng Hữu	Thịnh	CN chế tạo máy K62	282.000
405	1721060855	Hoàng Công	Thủ	CN chế tạo máy K62	282.000
406	1721060445	Lê Hồng	Vinh	CN chế tạo máy K62	282.000
407	1721060311	Lê Văn	Cường	Cơ khí ô tô - K62	282.000
408	1721060435	Nguyễn Hữu	Huyền	Cơ khí ô tô - K62	282.000
409	1721060537	Phạm Mạnh	Linh	Cơ khí ô tô - K62	282.000
410	1721060012	Nguyễn Tiến	Đạt	Điện - Điện tử A - K62	282.000
411	1721060147	Trần Nhật	Long	Điện - Điện tử A - K62	282.000
412	1721060225	Nguyễn Văn	Nam	Điện - Điện tử A - K62	282.000
413	1721060072	Đỗ Văn	Trường	Điện - Điện tử A - K62	282.000
414	1721060229	Ngô Tiến	Văn	Điện - Điện tử A - K62	282.000
415	1721060155	Hà Đức	Anh	Điện - Điện tử B - K62	282.000
416	1721060136	Lê Quang	Minh	Điện - Điện tử B - K62	282.000
417	1721060092	An Minh	Quang	Điện - Điện tử B - K62	282.000
418	1721060262	Nguyễn Hồng	Sơn	Điện - Điện tử B - K62	282.000
419	1721060565	Nguyễn Quốc	Tiến	Điện - Điện tử B - K62	282.000
420	1721060192	Nguyễn Xuân	Trường	Điện - Điện tử B - K62	282.000
421	1721060511	Nguyễn Đức	Hiên	Điện khí hóa K62	282.000
422	1721060822	Vũ Duy	Lộc	Điện khí hóa K62	282.000
423	1721060157	Ngô Anh	Tuấn	Điện khí hóa K62	282.000
424	1721060178	Nguyễn Thế	Anh	Hệ thống điện - K62	282.000
425	1721060091	Nguyễn Hùng	Anh	Hệ thống điện - K62	282.000
426	1721060198	Nguyễn Đăng	Dũng	Hệ thống điện - K62	282.000
427	1721060210	Phạm Xuân	Sơn	Hệ thống điện - K62	282.000
428	1721060319	Nguyễn Quang	Trung	Tự động hóa A - K62	282.000
429	1721030070	Lê Minh	Phương	Tự động hóa A - K62	282.000
430	1721060048	Phạm Văn	Nam	Tự động hóa A - K62	282.000
431	1721050541	Lê Văn	Đạt	Tự động hóa A - K62	282.000
432	1721060114	Nguyễn Minh	Tuấn	Tự động hóa A - K62	282.000
433	1721060853	Lê Văn	Phái	Tự động hóa A - K62	282.000
434	1721060517	Đoàn Văn	Học	Tự động hóa B - K62	282.000
435	1721060555	Bùi Văn	Tài	Tự động hóa B - K62	282.000
436	1721060272	Trịnh Quang	Sang	Tự động hóa B - K62	282.000
437	1821060190	Ngô Bình	An	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
438	1821060170	Trần Tiến	Anh	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
439	1821060389	Nguyễn Công	Dần	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
440	1821060099	Nguyễn Mạnh	Hùng	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
441	1821060027	Nguyễn Tùng	Lâm	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
442	1821060028	Nguyễn Văn	Minh	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
443	1821060188	Phan Thanh	Nam	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
444	1821060209	Lưu Giang	Nam	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
445	1821060081	Nguyễn Đức	Sơn	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
446	1821060136	Vương Văn	Thành	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
447	1821060091	Đặng Văn	Thành	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
448	1821060002	Đoàn Thái	Thịnh	Đại học - Cơ khí ô tô - K63	282.000
449	1821060210	Lương Trung	Kiên	Đại học - Công nghệ chế tạo máy - K63	282.000
450	1821060056	Nguyễn Văn	Nhật	Đại học - Công nghệ chế tạo máy - K63	282.000
451	1821060119	Nguyễn Văn	Quang	Đại học - Công nghệ chế tạo máy - K63	282.000
452	1821060132	Doãn Thế	Anh	Đại học -Hệ thống điện K63	282.000
453	1821060348	Lê Thành	Vinh	Đại học -Hệ thống điện K63	282.000
454	1821060217	Trần Văn	Định	Đại học - Điện công nghiệp - K63	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
455	1821060300	Mai Huy	Sơn	Đại học - Điện công nghiệp - K63	282.000
456	1821060021	Phạm Hoàng	Anh	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
457	1821060368	Lê Văn	Hiếu	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
458	1821060261	Nguyễn Ngọc	Hoàn	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
459	1821060225	Nguyễn Hồng	Sơn	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
460	1821060236	Mai Ngọc	Tài	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
461	1821060305	Lê Trọng	Phương	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
462	1821060364	Lê Ngọc	Thành	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
463	1821060103	Nguyễn Việt	Cường	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
464	1821050061	Lê Thành	Hải	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
465	1821060372	Vũ Quốc	Huy	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
466	1821060262	Nguyễn Bá	Mỹ	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
467	1821060363	Đỗ Quang	Trưởng	Đại học - Kỹ thuật điều khiển tự động hóa	282.000
468	1821060144	Trần Văn	Kháng	Điện - điện tử K63	282.000
469	1621020014	Kim Việt	Anh	ĐH-Địa chất CT-ĐKT-K61	282.000
470	1621020042	Trần Mạnh	Dũng	ĐH-Địa chất CT-ĐKT-K61	282.000
471	1621020013	Hoàng Hữu	Đường	ĐH-Địa chất CT-ĐKT-K61	282.000
472	1621020043	Lưu Văn	Duy	ĐH-Địa chất CT-ĐKT-K61	282.000
473	1621020011	Phạm Văn	Hải	ĐH-Địa chất CT-ĐKT-K61	282.000
474	1621020024	Phạm Văn	Phi	ĐH-Địa chất CT-ĐKT-K61	282.000
475	1621020046	Đỗ Việt	Tiếp	ĐH-Địa chất CT-ĐKT-K61	282.000
476	1621020714	Lê Văn	Dũng	ĐH - Địa chất - K61	282.000
477	1621020058	Phạm Bá	Nam	ĐH - Địa chất - K61	282.000
478	1621020016	Đỗ Thu	Trang	ĐH - Địa chất - K61	282.000
479	1721020028	Bùi Ngọc Dương	Anh	Địa chất K62	282.000
480	1721020009	Trần Đức	Anh	Địa chất K62	282.000
481	1721020013	Công Phương Tùng	Anh	Địa chất K62	282.000
482	1721020003	Phan Tiến	Đại	Địa chất K62	282.000
483	1721020056	Phạm Xuân	Dũng	Địa chất K62	282.000
484	1721020033	Nguyễn Tiến	Giang	Địa chất K62	282.000
485	1721020037	Lê Huy	Hoàng	Địa chất K62	282.000
486	1721020001	Đỗ Văn	Huy	Địa chất K62	282.000
487	1721020064	Hà Ngọc Hải	Ninh	Địa chất K62	282.000
488	1721020018	Nguyễn Đình	Trường	Địa chất K62	282.000
489	1721020014	Phạm Đức Thanh	Tùng	Địa chất K62	282.000
490	1821020002	Mai Phúc Anh	Đức	Địa chất K63	282.000
491	1721040002	Nguyễn Quang	Anh	Kthac 62	282.000
492	1721040077	Lê Mạnh	Dũng	Kthac 62	282.000
493	1721040050	Trần Thái	Dương	Kthac 62	282.000
494	1721040044	Tào Minh	Hiếu	Kthac 62	282.000
495	1721050689	Nguyễn Xuân	Lâm	Kthac 62	282.000
496	1721040018	Phí Đức	Mạnh	Kthac 62	282.000
497	1721040064	Nguyễn Văn	Nhất	Kthac 62	282.000
498	1721040080	Nguyễn Duy	Thái	Kthac 62	282.000
499	1721080029	Tổng Minh	Thiên	Kthac 62	282.000
500	1721040051	Cao Quang	Tuấn	Kthac 62	282.000
501	1721040014	Nguyễn Công	Duy	Tuyen khoang 62	282.000
502	1721040027	Nguyễn Công	Thành	Tuyen khoang 62	282.000
503	1721040091	Trần Văn	Tư	Tuyen khoang 62	282.000
504	1621040025	Hoàng Tuấn	Anh	Kthac 61	282.000
505	1621040121	Bùi Văn	Anh	Kthac 61	282.000
506	1621040114	Trần Quốc	Cường	Kthac 61	282.000
507	1621040053	Phạm Thành	Đạt	Kthac 61	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
508	1621040037	Vũ Ngọc	Điều	Kthac 61	282.000
509	1621040060	Nguyễn Huy	Đức	Kthac 61	282.000
510	1621040715	Phạm Hồng	Đức	Kthac 61	282.000
511	1621040128	Phan Văn	Dũng	Kthac 61	282.000
512	1621040071	Nguyễn Văn	Giang	Kthac 61	282.000
513	1621040111	Trương Thanh	Hải	Kthac 61	282.000
514	1621040070	Nguyễn Đắc	Hiệp	Kthac 61	282.000
515	1621040019	Nguyễn Văn	Hưng	Kthac 61	282.000
516	1621040092	Lê Quốc	Huy	Kthac 61	282.000
517	1621040089	Nguyễn Tất	Minh	Kthac 61	282.000
518	1621040134	Trần Xuân	Sang	Kthac 61	282.000
519	1621040050	Vũ Tuấn	Thành	Kthac 61	282.000
520	1621040012	Bùi Hữu	Trung	Kthac 61	282.000
521	1621040086	Lê Bá Quốc	Trung	Kthac 61	282.000
522	1621040103	Nguyễn Bá	Trung	Kthac 61	282.000
523	1621040082	Ngô Việt	Tú	Kthac 61	282.000
524	1621040088	Lê Ngọc	Vương	Kthac 61	282.000
525	1621040106	Trần Lê Hồng	Quang	Tuyển khoáng 61	282.000
526	1621040095	Nguyễn Minh	Thành	Tuyển khoáng 61	282.000
527	1621040100	Vũ Trọng	Thế	Tuyển khoáng 61	282.000
528	1621040109	Nguyễn Hữu	Tiến	Tuyển khoáng 61	282.000
529	1621040116	Phạm Như Anh	Tuấn	Tuyển khoáng 61	282.000
530	1621040090	Phạm Thanh	Tùng	Tuyển khoáng 61	282.000
531	1821040078	Bùi Đức	An	Kthac 63	282.000
532	1821040081	Lê Văn	Hiếu	Kthac 63	282.000
533	1821040065	Hà Văn	Học	Kthac 63	282.000
534	1821040013	Nguyễn Tiến	Phong	Kthac 63	282.000
535	1821040084	Nguyễn Ngọc	Sơn	Kthac 63	282.000
536	1821040067	Phạm Việt	Thái	Kthac 63	282.000
537	1821040014	Nguyễn Minh	Thắng	Kthac 63	282.000
538	1821040080	Nguyễn Thanh	Thảo	Kthac 63	282.000
539	1821040079	Tổng Thành	Vinh	Kthac 63	282.000
540	1821040008	Nguyễn Trường	Vũ	Kthac 63	282.000
541	1621080082	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
542	1621080730	Vũ Hoàng	Anh	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
543	1621080006	Bé Thị	Chinh	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
544	1621080130	Ngô Văn	Liêm	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
545	1621080125	Vũ Văn	Lực	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
546	1621080036	Đoàn Ngọc	Lương	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
547	1621080119	Phan Duy	Nam	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
548	1621080068	Trần Quang	Nam	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
549	1621080069	Trần Hồng	Phi	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
550	1621080042	Nguyễn Hồng	Phong	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
551	1621080101	Thái Minh	Sơn	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
552	1621080711	Trần Đức	Thịnh	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
553	1621080128	Nguyễn Quang	Tú	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
554	1621080084	Bùi Công	Vương	Kỹ thuật môi trường K61	282.000
555	1621080074	Trần Thị Tú	Anh	Địa sinh thái K61	282.000
556	1621080707	Vũ Thị Phương	Anh	Địa sinh thái K61	282.000
557	1621080080	Nguyễn Đức	Bình	Địa sinh thái K61	282.000
558	1621080158	Sinh Văn	Doài	Địa sinh thái K61	282.000
559	1621080134	Văn Đỗ Tuấn	Huy	Địa sinh thái K61	282.000
560	1621070704	Đặng Thị Thanh	Huyền	Địa sinh thái K61	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
561	1621080112	Nguyễn Đình	Khiêm	Địa sinh thái K61	282.000
562	1621080133	Đoàn Thị	Linh	Địa sinh thái K61	282.000
563	1621080053	Nguyễn Ngọc Hài	My	Địa sinh thái K61	282.000
564	1621080045	Trần Ngọc Anh	Quân	Địa sinh thái K61	282.000
565	1621080149	Nguyễn Việt	Quý	Địa sinh thái K61	282.000
566	1621080155	Chu Diễm	Quỳnh	Địa sinh thái K61	282.000
567	1721080025	Phạm Trần	Bình	Môi trường K62	282.000
568	1721080010	Lê Hoài	Nam	Môi trường K62	282.000
569	1721080029	Tổng Minh	Thiên	Môi trường K62	282.000
570	1721080015	Nguyễn Văn	Tú	Môi trường K62	282.000
571	1721080022	Nguyễn Ngọc	Vinh	Môi trường K62	282.000
572	1821080051	Dương Phan	Anh	Môi trường K63	282.000
573	1821080052	Vũ Hải	Bình	Môi trường K63	282.000
574	1821080025	Nguyễn Quang	Điệp	Môi trường K63	282.000
575	1821080076	Phạm Văn	Đức	Môi trường K63	282.000
576	1821080035	Phạm Long	Hải	Môi trường K63	282.000
577	1821080074	Ngô Thị Thanh	Hương	Môi trường K63	282.000
578	1821080058	Nguyễn Thúy	Linh	Môi trường K63	282.000
579	1821080033	Nguyễn Trọng	Quang	Môi trường K63	282.000
580	1821080046	Vũ Ngọc	Quang	Môi trường K63	282.000
581	1821080039	Tạ Hồng	Thắng	Môi trường K63	282.000
582	1621030800	Tô Tuấn	Anh	Trắc địa K61A	282.000
583	1621030040	Dương Đức	Duy	Trắc địa K61A	282.000
584	1621030004	Nguyễn Huy	Hoàng	Trắc địa K61A	282.000
585	1621030098	Trần Trung	Kiên	Trắc địa K61A	282.000
586	1621030042	Phạm Đức	Long	Trắc địa K61A	282.000
587	1621030081	Chu Tuấn	Minh	Trắc địa K61A	282.000
588	1621030101	Nguyễn Việt	An	Trắc địa K61B	282.000
589	1621030024	Nguyễn Quốc	Hiếu	Trắc địa K61B	282.000
590	1621030113	Trần Anh	Hiếu	Trắc địa K61B	282.000
591	1621030030	Nguyễn Trung	Hóa	Trắc địa K61B	282.000
592	1621030700	Đặng Duy	Huỳnh	Trắc địa K61B	282.000
593	1621030073	Nguyễn Ngọc	Khiêm	Trắc địa K61B	282.000
594	1621030015	Hoàng Đức	Lộc	Trắc địa K61B	282.000
595	1621030706	Từ Văn	Nam	Trắc địa K61B	282.000
596	1621030074	Phạm Hồng	Phúc	Trắc địa K61B	282.000
597	1621030013	Thò Bá	Sở	Trắc địa K61B	282.000
598	1621030095	Trần Công	Tâm	Trắc địa K61B	282.000
599	1621030044	Lê Công	Trực	Trắc địa K61B	282.000
600	1621030036	Lê Quang	Trung	Trắc địa K61B	282.000
601	1621030702	Hoàng Minh	Tuấn	Trắc địa K61B	282.000
602	1721030151	Trần Nguyễn Thảo	Anh	Trắc địa K62	282.000
603	1721030145	Phạm Tiến	Dương	Trắc địa K62	282.000
604	1721030888	Vũ Huy	Hoàng	Trắc địa K62	282.000
605	1721030128	Nguyễn Quang	Linh	Trắc địa K62	282.000
606	1721030026	Nguyễn Phương	Nam	Trắc địa K62	282.000
607	1721030070	Lê Minh	Phương	Trắc địa K62	282.000
608	1721030075	Đặng Anh	Tài	Trắc địa K62	282.000
609	1721030067	Đào Duy	Thiện	Trắc địa K62	282.000
610	1721030022	Trần Văn	Tuấn	Trắc địa K62	282.000
611	1721030047	Trần Văn	Việt	Trắc địa K62	282.000
612	1721030092	Lê Đức	Anh	QLĐĐ K62	282.000
613	1721030136	Phan Việt	Hải	QLĐĐ K62	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
614	1721030112	Phạm Vũ Quỳnh	Như	QLDD K62	282.000
615	1721030135	Lý Tuấn	Quang	QLDD K62	282.000
616	1721030106	Nguyễn Minh	Quang	QLDD K62	282.000
617	1721030155	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	QLDD K62	282.000
618	1821040063	Hoàng Văn	An	Trắc địa K63	282.000
619	1821030112	Trương Thị	Dung	Trắc địa K63	282.000
620	1821030255	Vũ Huy	Hoàng	Trắc địa K63	282.000
621	1821030096	Phan Thành	Long	Trắc địa K63	282.000
622	1821030159	Tạ Minh	Đức	QLDD K63- ĐT 1821030159	282.000
623	1821030245	Bùi Việt	Hải	QLDD K63	282.000
624	1821030248	Đoàn Xuân	Hiếu	QLDD K63	282.000
625	1821030134	Phạm Quang	Khánh	QLDD K63	282.000
626	1821030253	Trịnh Thị	Loan	QLDD K63	282.000
627	1821030055	Nguyễn Giang	Nam	QLDD K63	282.000
628	1821030070	Nguyễn Thế	Sơn	QLDD K63	282.000
629	1821030129	Cao Văn	Tùng	QLDD K63	282.000
630	1724010445	Phạm Quang	Anh	Kế toán A - K62	282.000
631	1724010280	Hà Minh	Huyền	Kế toán A - K62	282.000
632	1724010363	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Kế toán A - K62	282.000
633	1724010231	Trần Hoàng	Hưng	Kế toán A - K62	282.000
634	1724010507	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Kế toán A - K62	282.000
635	1724010512	Lê Thành	Nam	Kế toán A - K62	282.000
636	1724010421	Phạm Thị	Thắm	Kế toán A - K62	282.000
637	1724010292	Nguyễn Thị Khang	Trang	Kế toán A - K62	282.000
638	1724010374	Nguyễn Thị Vân	Anh	Kế toán B - K62	282.000
639	1724010510	Nguyễn Thị	Ánh	Kế toán B - K62	282.000
640	1721030108	Bùi Minh	Ngọc	Kế toán B - K62	282.000
641	1724010889	Trương Thị Thu	Trang	Kế toán B - K62	282.000
642	1724010431	Mai Thị	Bích	Kế toán C - K62	282.000
643	1724010515	Trần Thanh	Hải	Kế toán C - K62	282.000
644	1724010375	Phạm Thị Kiều	Hương	Kế toán C - K62	282.000
645	1724010400	Nguyễn Thị Tố	Mỹ	Kế toán C - K62	282.000
646	1724010262	Nguyễn Mai	Nga	Kế toán C - K62	282.000
647	1724010259	Mai Thu	Phương	Kế toán C - K62	282.000
648	1724010417	Trần Thị Thanh	Hàng	Kế toán D - K62	282.000
649	1724010369	Tạ Thị Thanh	Hoa	Kế toán D - K62	282.000
650	1724010230	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Kế toán D - K62	282.000
651	1724010150	Phan Mạnh	Hưng	Kế toán D - K62	282.000
652	1724010356	Dương Xuân	Nam	Kế toán D - K62	282.000
653	1724010227	Nguyễn Phương	Nga	Kế toán D - K62	282.000
654	1724010056	Vũ Tuấn	Anh	Kế toán E - K62	282.000
655	1724010112	Vũ Phương	Anh	Kế toán E - K62	282.000
656	1724010128	Nguyễn Thu	Hà	Kế toán E - K62	282.000
657	1724010107	Nguyễn Thị Phương	Ly	Kế toán E - K62	282.000
658	1724010132	Đào Thị Phương	Thảo	Kế toán E - K62	282.000
659	1724010133	Nguyễn Thị	Thùy	Kế toán E - K62	282.000
660	1724010134	Nguyễn Minh	Thư	Kế toán E - K62	282.000
661	1724010137	Đặng Thu	Trang	Kế toán E - K62	282.000
662	1724010090	Phạm Ngọc	Hải	Quản trị kinh doanh A - K62	282.000
663	1724010213	Nguyễn Văn	Hiệu	Quản trị kinh doanh A - K62	282.000
664	1724010172	Vũ Huy	Hoàng	Quản trị kinh doanh A - K62	282.000
665	1724010299	Nguyễn Quyết	Thắng	Quản trị kinh doanh A - K62	282.000
666	1724010999	Li Jing	Wen	Quản trị kinh doanh A - K62	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
667	1724010432	Hạ Thị	Hoa	Quản trị kinh doanh B - K62	282.000
668	1724010547	Nguyễn Văn	Hòa	Quản trị kinh doanh B - K62	282.000
669	1724010470	Mai Công	Khải	Quản trị kinh doanh B - K62	282.000
670	1724010574	Nguyễn Xuân	Ngọc	Quản trị kinh doanh B - K62	282.000
671	1724010366	Phạm Thế	Quang	Quản trị kinh doanh B - K62	282.000
672	1724010144	Nguyễn Nghiêm Kim	Cương	Quản trị kinh doanh dầu khí - K62	282.000
673	1724010115	Đào Tiến	Đạt	Quản trị kinh doanh dầu khí - K62	282.000
674	1724010003	Trương Hoàng	Giang	Quản trị kinh doanh dầu khí - K62	282.000
675	1724010031	Nguyễn Quang	Nam	Quản trị kinh doanh dầu khí - K62	282.000
676	1724010245	Nguyễn Thành	Phát	Quản trị kinh doanh dầu khí - K62	282.000
677	1724010075	Lê Minh	Thúy	Quản trị kinh doanh dầu khí - K62	282.000
678	1724010250	Phan Nhật	Nam	Quản trị kinh doanh mỏ - K62	282.000
679	1524010504	Vũ Trường	Sơn	Quản trị kinh doanh mỏ - K62	282.000
680	1824010491	Vũ Hương	Giang	Kế toán A - K63	282.000
681	1824010123	Trần Thị Hà	Trang	Kế toán A - K63	282.000
682	1824010733	Nguyễn Thị	Hiền	Kế toán B - K63	282.000
683	1824010917	Hoàng Phương	Linh	Kế toán B - K63	282.000
684	1824010916	Nguyễn Ngọc	Anh	Kế toán C - K63	282.000
685	1824010004	Lê Quang	Hưng	Kế toán C - K63	282.000
686	1824010068	Vũ Ngọc	Lan	Kế toán C - K63	282.000
687	1824010966	Kim Diệu	Linh	Kế toán C - K63	282.000
688	1824010967	Nguyễn Hồng	Ngọc	Kế toán D - K63	282.000
689	1824010092	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Kế toán D - K63	282.000
690	1824010697	Phạm Thị Thanh	Thuý	Kế toán D - K63	282.000
691	1824010343	Bùi Thanh	Lộc	Kế toán E - K63	282.000
692	1824010585	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Kế toán G - K63	282.000
693	1824010807	Đỗ Khánh	Phượng	Kế toán G - K63	282.000
694	1824010997	Phạm Xuân	An	Quản trị kinh doanh Mỏ - K63	282.000
695	1824010065	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Quản trị kinh doanh Mỏ - K63	282.000
696	1824010542	Nguyễn Thị Lan	Anh	Quản trị kinh doanh Mỏ - K63	282.000
697	1824010011	Mai Trung	Đức	Quản trị kinh doanh Mỏ - K63	282.000
698	1824010056	Lê Kim	Long	Quản trị kinh doanh Mỏ - K63	282.000
699	1821080033	Nguyễn Trọng	Quang	Quản trị kinh doanh Mỏ - K63	282.000
700	1824010801	Lê Sỹ	Đức	Quản trị thương mại điện tử A- K63	282.000
701	1824010038	Đỗ Khắc	Long	Quản trị thương mại điện tử A- K63	282.000
702	1824010053	Hoàng Yến	Vi	Quản trị thương mại điện tử A- K63	282.000
703	1824010558	Nguyễn Hoàng	Lâm	Quản trị thương mại điện tử B - K63	282.000
704	1824010786	Nguyễn Khánh	Linh	Quản trị thương mại điện tử B - K63	282.000
705	1824010039	Nông Công	Long	Quản trị thương mại điện tử B - K63	282.000
706	1824010197	Nguyễn Thị Hồng	Nga	Quản trị thương mại điện tử B - K63	282.000
707	1824010009	Trần Đức	Quân	Quản trị thương mại điện tử B - K63	282.000
708	1824010486	Đào Anh	Tuấn	Quản trị thương mại điện tử B - K63	282.000
709	1824010940	Vũ Thị	Trang	Quản trị thương mại điện tử B - K63	282.000
710	1824010425	Đặng Thảo	Trâm	Quản trị thương mại điện tử B - K63	282.000
711	1824010357	Ngô Quỳnh	Anh	Quản trị kinh doanh A_K63	282.000
712	1824010918	Nguyễn Thị Minh	Ảnh	Quản trị kinh doanh A_K63	282.000
713	1824010919	Lê Thị	Hằng	Quản trị kinh doanh A_K63	282.000
714	1824010908	Trịnh Phương Thảo	My	Quản trị kinh doanh A_K63	282.000
715	1824010124	Nguyễn Đức	Tùng	Quản trị kinh doanh A_K63	282.000
716	1821030136	Thái Xuân	Trường	Quản trị kinh doanh A_K63	282.000
717	1824010024	Trần Quang	Anh	Quản trị kinh doanh B_K63	282.000
718	1824011043	Tạ Đức	Long	Quản trị kinh doanh B_K63	282.000
719	1824010459	Sái Thị	Quỳnh	Quản trị kinh doanh B_K63	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
720	1821030246	Nguyễn Ngọc	Tú	Quản trị kinh doanh B_K63	282.000
721	1824010287	Phạm Thị	Trang	Quản trị kinh doanh B_K63	282.000
722	1824011010	Nguyễn Thị	Yên	Quản trị kinh doanh A_K63	282.000
723	1834010060	Trần Ánh	Nhi	Liên thông kế toán k63	282.000
724	1834010061	Vũ Lan	Phương	Liên thông kế toán k63	282.000
725	1834010062	Trịnh Thị	Trang	Liên thông kế toán k63	282.000
726	1821050058	Vũ Anh	Tiến	Địa học B K63	282.000
727	1821050514	Đặng Nguyên	Huy	Mạng máy tính C K63	282.000
728	1821050439	Lương Văn	Nghĩa	Mạng máy tính C K63	282.000
729	1821050759	Đặng Trường	Sơn	Mạng máy tính C K63	282.000
730	1821050575	Nguyễn Văn	Thao	Mạng máy tính C K63	282.000
731	1821050219	Nguyễn Quý	Trường	Mạng máy tính C K63	282.000
732	1821050509	Đinh Quang	Tuấn	Mạng máy tính C K63	282.000
733	1821050611	Mạc Thanh	Tuấn	Mạng máy tính C K63	282.000
734	1821050290	Nguyễn Việt	Cương	Mạng máy tính B K63	282.000
735	1821050405	Nguyễn Đức	Duy	Mạng máy tính B K63	282.000
736	1821050433	Đỗ Quang	Huy	Mạng máy tính B K63	282.000
737	1821050814	Đặng Ngọc	Minh	Mạng máy tính B K63	282.000
738	1821051111	Đồng Văn	Toàn	Mạng máy tính B K63	282.000
739	1821050319	Phạm Văn	Đạt	Mạng máy tính A K63	282.000
740	1821050407	Trịnh Minh	Hiếu	Mạng máy tính A K63	282.000
741	1821050123	Phạm Quang	Huy	Mạng máy tính A K63	282.000
742	1821050311	Nguyễn Văn	Khiêm	Mạng máy tính A K63	282.000
743	1821050066	Ngô Hoàng	Long	Mạng máy tính A K63	282.000
744	1821050326	Nguyễn Văn	Tiến	Mạng máy tính A K63	282.000
745	1821050104	Vũ Đức	Anh	CN Phẩm mềm A K63	282.000
746	1821050381	Bùi Quang	Đạt	CN Phẩm mềm A K63	282.000
747	1821050006	Dương Trường	Giang	CN Phẩm mềm A K63	282.000
748	1821050355	Nguyễn Hoàng	Huân	CN Phẩm mềm A K63	282.000
749	1821050132	Cao Duy	Phước	CN Phẩm mềm A K63	282.000
750	1821051097	Nguyễn	Tha	CN Phẩm mềm A K63	282.000
751	1821050301	Ngô Doãn	Thắng	CN Phẩm mềm A K63	282.000
752	1821050491	Nguyễn Đức	Thắng	CN Phẩm mềm A K63	282.000
753	1821051091	Đinh Khiêm	Tùng	CN Phẩm mềm A K63	282.000
754	1821050831	Hoàng Văn	Vinh	CN Phẩm mềm A K63	282.000
755	1821050211	Nguyễn Danh Tiến	Anh	CN Phẩm mềm B K63	282.000
756	1821051090	Nguyễn Hoàng	Anh	CN Phẩm mềm B K63	282.000
757	1821050281	Vũ Đình	Công	CN Phẩm mềm B K63	282.000
758	1821050284	Nguyễn Trường	Giang	CN Phẩm mềm B K63	282.000
759	1821050063	Lê Thái	Hoàng	CN Phẩm mềm B K63	282.000
760	1821050669	Bùi Ngọc	Long	CN Phẩm mềm B K63	282.000
761	1821050443	Phạm Việt	Long	CN Phẩm mềm B K63	282.000
762	1821050949	Nguyễn Minh	Thông	CN Phẩm mềm B K63	282.000
763	1821050047	Lê Sơn	Bách	Khoa học máy tính UD C K63	282.000
764	1821050871	Phạm Thanh	Bình	Khoa học máy tính UD C K63	282.000
765	1821050159	Nguyễn Quốc	Huỳnh	Khoa học máy tính UD C K63	282.000
766	1821050186	Đỗ Thị	Hương	Khoa học máy tính UD C K63	282.000
767	1821050045	Nguyễn Công Hà	Sơn	Khoa học máy tính UD C K63	282.000
768	1821050244	Đỗ Tiến	Toàn	Khoa học máy tính UD C K63	282.000
769	1721050014	Doãn Công	Thực	Mạng máy tính B K62	282.000
770	1721050551	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Mạng máy tính A K62	282.000
771	1721050433	Phạm Văn	Chương	Mạng máy tính A K62	282.000
772	1721050534	Phạm Văn	Dũng	Mạng máy tính A K62	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
773	1721050434	Nguyễn Minh	Hiếu	Mạng máy tính A K62	282.000
774	1721050633	Lê Quang	Huy	Mạng máy tính A K62	282.000
775	1721050544	Nguyễn Tú	Khang	Mạng máy tính A K62	282.000
776	1721050688	Trần Văn	Khoa	Mạng máy tính A K62	282.000
777	1721050545	Trần Đình Tùng	Lâm	Mạng máy tính A K62	282.000
778	1721050366	Nguyễn Văn	Linh	Mạng máy tính A K62	282.000
779	1721050312	Phạm Văn	Minh	Mạng máy tính A K62	282.000
780	1721050634	Nguyễn Thị Diễm	My	Mạng máy tính A K62	282.000
781	1721050612	Phạm Anh	Quân	Mạng máy tính A K62	282.000
782	1721050676	Đỗ Văn	Sơn	Mạng máy tính A K62	282.000
783	1721050287	Nguyễn Khánh	Tân	Mạng máy tính A K62	282.000
784	1721050530	Đỗ Xuân	Thùy	Mạng máy tính A K62	282.000
785	1721050477	Bùi Quang	Trung	Mạng máy tính A K62	282.000
786	1721050503	Vũ Văn	Trung	Mạng máy tính A K62	282.000
787	1721050685	Lãnh Thị	Uyên	Mạng máy tính A K62	282.000
788	1721040018	Phí Đức	Mạnh	Mạng máy tính A K62	282.000
789	1721050470	Nguyễn Thị Vân	Anh	Tin học kinh tế K62	282.000
790	1721050214	Lê Hải	Đăng	Tin học kinh tế K62	282.000
791	1721050227	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Tin học kinh tế K62	282.000
792	1721050522	Trịnh Thu	Hương	Tin học kinh tế K62	282.000
793	1721050010	Nguyễn Quang	Lâm	Tin học kinh tế K62	282.000
794	1721050050	Nguyễn Hoàng	Nam	Tin học kinh tế K62	282.000
795	1721050697	Nguyễn Anh	Quân	Tin học kinh tế K62	282.000
796	1721050142	Nguyễn Khắc	Thảo	Tin học kinh tế K62	282.000
797	1721050324	Đoàn Mạnh	Tiến	Tin học kinh tế K62	282.000
798	1721050632	Nguyễn Văn	Tú	Tin học kinh tế K62	282.000
799	1721050398	Đặng Vũ	Hiệp	Tin học kinh tế K62	282.000
800	1721050409	Lại Hồng	Phong	Tin học kinh tế K62	282.000
801	1721050168	Phan Công	Minh	Khoa học MTUD B K62	282.000
802	1721050133	Nguyễn Hữu	Ngọc	Khoa học MTUD B K62	282.000
803	1721050316	Lương Thị	Ngọc	Khoa học MTUD B K62	282.000
804	1721050328	Nguyễn Ngọc	Sơn	Khoa học MTUD B K62	282.000
805	1721050105	Lương Xuân	Thái	Khoa học MTUD B K62	282.000
806	1721050073	Dương Ngọc	Tú	Khoa học MTUD B K62	282.000
807	1721050252	Nguyễn Hữu	Việt	Khoa học MTUD B K62	282.000
808	1721050213	Phùng	VănCao	Khoa học MTUD A K62	282.000
809	1721050145	Lê Anh	Đức	Khoa học MTUD A K62	282.000
810	1721050472	Nguyễn Bá	Dương	Khoa học MTUD A K62	282.000
811	1721050711	Phan Văn	Hải	Khoa học MTUD A K62	282.000
812	1721050630	Hoàng Như	Huy	Khoa học MTUD A K62	282.000
813	1721050364	Vi Văn	Khương	Khoa học MTUD A K62	282.000
814	1621050153	Đặng Duy	Phong	Mạng máy tính B K61	282.000
815	1621050239	Nguyễn Văn	Quyền	Mạng máy tính B K61	282.000
816	1621050356	Tổng Hữu	Quân	Mạng máy tính B K61	282.000
817	1621050411	Bùi Trung	Đức	Mạng máy tính B K61	282.000
818	1621050468	Lê Anh	Ngọc	Mạng máy tính B K61	282.000
819	1621050580	Lưu Thế	Mạnh	Mạng máy tính B K61	282.000
820	1621050590	Đinh Xuân	Nam	Mạng máy tính B K61	282.000
821	1621050599	Bùi Đức	Minh	Mạng máy tính B K61	282.000
822	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	Mạng máy tính B K61	282.000
823	1621050332	Phạm Văn	Tú	Mạng máy tính B K61	282.000
824	1621050386	Lê Thạc	Học	Mạng máy tính B K61	282.000
825	1621050822	Trần Văn	Biên	Mạng máy tính B K61	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
826	1621050887	Vũ Việt	Hoàng	Mạng máy tính A K61	282.000
827	1621050355	Nguyễn Văn	Thành	Mạng máy tính A K61	282.000
828	1621050412	Nguyễn Ngọc	Trường	Mạng máy tính A K61	282.000
829	1621050418	Đinh Công	Thành	Mạng máy tính A K61	282.000
830	1621050421	Đỗ Văn	Định	Mạng máy tính A K61	282.000
831	1621050445	Nguyễn Thị Hà	Vy	Mạng máy tính A K61	282.000
832	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	Mạng máy tính A K61	282.000
833	1621050600	Nguyễn Hồng	Sơn	Mạng máy tính A K61	282.000
834	1621050602	Nguyễn Mạnh	Nghĩa	Mạng máy tính A K61	282.000
835	1611050020	Lê Thành	Đạt	Mạng máy tính A K61	282.000
836	1621050003	Nguyễn Đức	Phong	Mạng máy tính A K61	282.000
837	1621050060	Phạm Quang	Anh	Mạng máy tính A K61	282.000
838	1621050107	Đinh Ngọc	Thành	Mạng máy tính A K61	282.000
839	1621050875	Đinh Văn	Hiếu	Tin kinh tế K61	282.000
840	1621050169	Trịnh Thị	Sen	Tin kinh tế K61	282.000
841	1621050208	Nguyễn Bình	Minh	Tin kinh tế K61	282.000
842	1621050236	Nguyễn ánh Công	Minh	Tin kinh tế K61	282.000
843	1621050263	Nguyễn Thị	Xuân	Tin kinh tế K61	282.000
844	1621050304	Đoàn Trung	Đức	Tin kinh tế K61	282.000
845	1621050341	Kiều Văn	Thắng	Tin kinh tế K61	282.000
846	1621050401	Trần Việt	Hoàng	Tin kinh tế K61	282.000
847	1621050443	Đinh Văn	Dũng	Tin kinh tế K61	282.000
848	1621050530	Nghiêm Thị	Xuân	Tin kinh tế K61	282.000
849	1621050544	Trịnh Duy	Tùng	Tin kinh tế K61	282.000
850	1621050546	Chu Văn Nam	Anh	Tin kinh tế K61	282.000
851	1621050605	Nguyễn Anh	Tân	Tin kinh tế K61	282.000
852	1621050630	Nguyễn Thị	Hường	Tin kinh tế K61	282.000
853	1621050278	Hoàng Thế	Anh	Tin kinh tế K61	282.000
854	1621050050	Bùi Thị	Ngân	Tin kinh tế K61	282.000
855	1621050080	LêBAT	Hoàn	Tin kinh tế K61	282.000
856	1621050141	Nguyễn Quang	Huy	CNPM D K61	282.000
857	1621050247	Lê Đình	Long	CNPM D K61	282.000
858	1621050313	Phạm Văn	Minh	CNPM D K61	282.000
859	1621050384	Nguyễn Sỹ	Dũng	CNPM D K61	282.000
860	1621050730	Mai Trọng	Bách	CNPM D K61	282.000
861	1621050801	Vũ Mạnh	Hùng	CNPM D K61	282.000
862	1621050081	Chu Văn	Nam	CNPM D K61	282.000
863	1621050870	Trần Văn	Mạnh	Khoa học MTUDA K61	282.000
864	1621050160	Đặng Văn	Thanh	Khoa học MTUDA K61	282.000
865	1621050378	Hoàng Phương	Nam	Khoa học MTUDA K61	282.000
866	1621050433	Trần Đăng	Duy	Khoa học MTUDA K61	282.000
867	1621050480	Đặng Văn	Thùy	Khoa học MTUDA K61	282.000
868	1621050498	Vũ Linh	Sơn	Khoa học MTUDA K61	282.000
869	1621050533	Trần Hồng	Hạnh	Khoa học MTUDA K61	282.000
870	1621050624	Lê Tuấn	Anh	Khoa học MTUDA K61	282.000
871	1621050604	Nguyễn Xuân	Phương	CNPM C K61	282.000
872	1621050708	Phạm Thị	Huyền	CNPM C K61	282.000
873	1621050808	Bùi Hoàng	Nam	CNPM C K61	282.000
874	1621050838	Nguyễn Thành	Thái	CNPM C K61	282.000
875	1621050841	Nguyễn Thị	Khánh	CNPM C K61	282.000
876	1621050853	Đinh Văn	Đại	CNPM C K61	282.000
877	1621050051	Công Văn	Cao	CNPM C K61	282.000
878	1621050098	Nguyễn Tuấn	Anh	CNPM C K61	282.000

STT	MSSV	HỌ	TÊN	LỚP	SỐ TIỀN(đồng)
879	1621050495	Nguyễn Kim	Tú	Khoa học MTUD A K61	282.000
880	1621050172	Bùi Văn	Phúc	Khoa học MTUD BK61	282.000
881	1621050218	Lê Trung	Hiếu	Khoa học MTUD BK61	282.000
882	1621050407	Nguyễn Trọng	Khuê	Khoa học MTUD BK61	282.000
883	1621050430	Nguyễn Tiến	Thắng	Khoa học MTUD BK61	282.000
884	1621050481	Nguyễn Tiến	Hoàng	Khoa học MTUD BK61	282.000
885	1621050489	Trịnh Quốc	Tuấn	Khoa học MTUD BK61	282.000
886	1621050511	Nguyễn Văn	Phong	Khoa học MTUD BK61	282.000
887	1621050538	Phạm Đức	Tân	Khoa học MTUD BK61	282.000
888	1621050567	Nguyễn Minh	Hiếu	Khoa học MTUD BK61	282.000
889	1621050596	Doãn	Tường	Khoa học MTUD BK61	282.000
890	1621050617	Nguyễn Ngọc	Phúc	Khoa học MTUD BK61	282.000
891	1621050781	Trần Xuân	Thắng	Khoa học MTUD BK61	282.000
892	1621050812	Nguyễn Tùng	Lâm	Khoa học MTUD BK61	282.000
893	1621050813	Vũ Ngọc	Hải	Khoa học MTUD BK61	282.000
894	1621050861	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Khoa học MTUD BK61	282.000
895	1621050040	Đặng Văn	Thái	Khoa học MTUD BK61	282.000
896	1621050126	Khương Xuân	Nam	CNPM C K61	282.000
897	1621050187	Nguyễn Trường	Giang	CNPM C K61	282.000
898	1621050340	Trần Ngọc	Anh	CNPM C K61	282.000
899	1621050358	Vũ Xuân	Dương	CNPM C K61	282.000
900	1621050375	Lê Văn	Hùng	CNPM C K61	282.000
901	1621050404	Lê Việt	Hoàng	CNPM C K61	282.000
902	1621050061	Hoàng Ngọc	Tiến	CNPM C K61	282.000
903	1621050383	Vũ Quang Tuấn	Anh	CNPM C K61	282.000
904	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	CNPM C K61	282.000
905	1621050570	Đỗ Đức	Mạnh	CNPM C K61	282.000
906	1621050152	Đặng Thị	Biên	CNPM B K61	282.000
907	1621050192	Phạm Minh	Hải	CNPM B K61	282.000
908	1621050369	Đỗ Mạnh	Hưng	CNPM B K61	282.000